

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **89/2021/DS-PT**  
Ngày: 26 - 10 - 2021  
V/v tranh chấp hợp đồng  
tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Văn Phụng;

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Toàn;  
Ông Nguyễn Hoàng Thành.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Tấn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Thanh Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2021/TLPT-DS ngày 28 tháng 7 năm 2021, về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 48/2021/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 138/2021/QĐ-PT ngày 18 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:**

1. Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1965 (có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/9/2021).

2. Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1969 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 168/7, đường Nguyễn Văn Cừ, Khu vực 4, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

*Người đại diện hợp pháp của ông S:* Ông Trần Việt H, sinh năm 1966. Địa chỉ: Số LK T, đường C, Khu dân cư C, Khóm M, Phường B, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền đề ngày 22/4/2021) - Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 10/9/2021.

**- Bị đơn:**

1. Bà Trần Bạch H, sinh năm 1966 (Có mặt).
2. Bà Sơn Bạch M, sinh năm 1983 (có mặt).
3. Bà Trần Xài K, sinh năm 1949 (có đơn xin xét xử vắng mặt).
4. Ông H, sinh năm 1957 (Chết).

*Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H:*

- 4.1. Bà Trần Bạch H, sinh năm 1966 (Có mặt).
- 4.2. Bà Sơn Bạch M, sinh năm 1983 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số C, đường T, Khóm B, Phường M, thành phố , tỉnh Sóc Trăng.

- *Người kháng cáo:* Bà Trần Bạch H là bị đơn.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/11/2017 của các nguyên đơn ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị Kim H và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Việt H trình bày:*

Vào ngày 06/10/2004, bà Nguyễn Thị Kim H, ông Nguyễn Thanh S và ông H, bà Trần Bạch H, bà Sơn Bạch M, Trần Xài K có lập Hợp đồng tín dụng ngày 06/10/2004. Theo nội dung của Hợp đồng tín dụng này thì bà Nguyễn Thị Kim H, ông Nguyễn Thanh S cho ông H, bà Trần Bạch H, bà Sơn Bạch M, Trần Xài K vay số tiền là 100.000.000đồng, thỏa thuận thời hạn vay 01 năm (12 tháng), lãi suất 4%/tháng, tương đương số vàng là 12 lượng 07 chỉ vàng 24k. Việc cho vay các bên có lập hợp đồng tín dụng, khi nhận tiền thì ông Hòa, bà H, bà M và bà K còn thế chấp cho ông S và bà H giấy tờ căn nhà tại số T đường T, Khóm B, Phường M, thành phố , tỉnh Sóc Trăng do ông Hòa và bà H làm chủ sở hữu. Ngoài ra, theo hợp đồng tín dụng các bên còn thỏa thuận nếu bên vay trả vốn vay trước 12 tháng (tính từ ngày vay) thì khi trả vốn vay sẽ tính bằng tiền, còn nếu bên vay trả vốn vay sau 12 tháng (tính từ ngày vay) thì khi trả vốn vay sẽ được tính bằng vàng với giá trị tương ứng 12 lượng 07 chỉ vàng 24k quy đổi tại thời điểm trả vốn vay.

Từ khi nhận tiền cho đến nay ông Hòa, bà H, bà M và bà K không trả tiền vốn và tiền lãi, ông S và bà H đã liên hệ nhiều lần để yêu cầu ông Hòa, bà H, bà M và bà K thực hiện hợp đồng tín dụng ngày 06/10/2004 nhưng ông Hòa, bà H, bà M và bà K vẫn không chịu trả nợ.

Theo đơn khởi kiện ông Nguyễn Thanh S và bà Nguyễn Thị Kim H yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông H, bà Trần Bạch H, bà Sơn Bạch M và bà Trần Xài K phải liên đới trả cho ông S và bà H số tiền vay là 127 chỉ vàng 24k. Tại phiên tòa ông H cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án ông H đã chết do đó yêu cầu bà Trần Bạch H, bà Sơn Bạch M và bà Trần Xài K phải liên đới trả cho ông S và bà H số tiền vay là 127 chỉ vàng 24k; Trong hợp đồng chỉ ghi vàng 24k, không ghi loại vàng bao nhiêu tuổi nên yêu cầu phía bị đơn trả 127 chỉ vàng 24k loại vàng 9T7 để có lợi cho bị đơn. Khi nào các bị đơn trả đủ 127 chỉ vàng 24k loại vàng 9T7 thì nguyên đơn sẽ trả lại cho các bị đơn bản chính giấy xác nhận ngày 02/4/1992 của Công ty Công trình quản lý đô thị thị xã T xác nhận chủ quyền căn nhà tại số T, đường T, Khóm B, Phường M, thị xã T (nay là thành phố ), tỉnh Sóc Trăng của bà Trần Bạch H.

*\* Tại tờ tường trình ngày 21/12/2017, ngày 22/02/2019, biên bản ghi lời khai ngày 07/5/2018 ông H và bà Trần Bạch H, biên bản ghi lời khai ngày 13/7/2020 và tại phiên tòa bị đơn Trần Bạch H đồng thời bà H là người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Xài K trình bày:*

Năm 2004 ông H và bà Trần Bạch H có thống nhất vay của ông Nguyễn Thanh S và bà N số tiền là 100.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng. Kể từ ngày vay ông Hòa, bà H đã trả lãi đầy đủ mỗi tháng là 4.000.000 đồng cho đến ngày 09/11/2005 âm lịch với tổng số tiền là 39.740.000 đồng. Số tiền lãi được bà N kêu 02 đứa con trai tên T, Th lấy tiền hàng ngày, thời gian đầu mỗi ngày lấy 130.000 đồng, có lúc lấy hàng tháng là 4.000.000 đồng trong 05 tháng đầu và thời gian sau mỗi ngày lấy 80.000 đồng.

Vào năm 2006, ông Hòa và bà H gom được 100.000.000 đồng đến trả nhưng bà N không chịu nhận mà đòi phải trả vốn và lãi. Qua yêu cầu của nguyên đơn ông H và bà H không đồng ý vì ông H và bà H không có vay vàng của bà Kim H và ông Thanh S mà chỉ vay 100.000.000 đồng của bà N và ông S.

\* Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/5/2018, ông H và bà Trần Bạch H khai có trực tiếp ký vào Hợp đồng tín dụng ngày 06/10/2004. Thỏa thuận nếu không trả lãi sau khi vay qua 01 năm thì tính trả bằng vàng theo Hợp đồng tín dụng ngày 06/10/2004. Hợp đồng do ông Nguyễn Thanh S viết rồi đọc lại cho tất cả cùng nghe.

*\* Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/7/2020 và tại phiên tòa bà Trần Bạch H trình bày:* ông H là chồng bà H đã bị tai nạn giao thông chết ngày 24/6/2019; bà Sơn Bạch M là con ruột bà H và ông Hòa; bà Trần Xài K là chị ruột bà H. Bà H thừa nhận vào ngày 06/10/2004, vợ chồng bà H có vay của bà Nguyễn Thị Kim H và ông Nguyễn Thanh S số tiền 100.000.000 đồng, có thể chấp cho phía nguyên đơn giữ bản chính giấy tờ căn nhà số T, đường T, Khóm B, Phường M, thị xã T (nay là thành phố ), tỉnh Sóc Trăng của bà Trần Bạch H. Khi vay tiền thì giữa các bên có làm biên nhận, lãi suất thỏa thuận là 4%/tháng, nhưng không có thỏa thuận thời gian trả. Đối với số tiền này chỉ có vợ chồng bà H nhận chứ bà K và bà Bạch M chỉ có ký tên chứ không có nhận, nguyên đơn cho rằng giữa các bên có thỏa thuận thống nhất quy đổi 100.000.000 đồng tương đương 12 lượng

07 chỉ vàng 24k là không đúng vì khi vay tiền bà H có nói với ông S là nếu sau khi vay tiền mà vợ chồng bà H không trả lãi trong vòng 01 năm thì vợ chồng bà H đồng ý quy đổi số tiền 100.000.000 đồng tương đương 12 lượng 07 chỉ vàng 24k. Tuy nhiên, sau khi vay ngày 06/10/2004 thì vào ngày 07/10/2004 vợ chồng bà H có trả cho ông S mỗi ngày là 130.000 đồng tiền lãi, trả đến ngày 09/11/2005 được tổng số tiền lãi là 39.740.000 đồng (số tiền này do con của bà N tên T và tên Th đến lấy mỗi ngày). Bà H đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bà H không có việc làm ổn định nên xin được trả chậm mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi trả dứt số nợ 100.000.000 đồng, bà H không đồng ý trả 12 lượng 07 chỉ vàng 24k cho nguyên đơn vì bà H không có vay vàng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2021/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố , tỉnh Sóc Trăng đã quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 2, 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463; khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh S và bà Nguyễn Thị Kim H. Buộc bị đơn bà Trần Bạch H, bà Sơn Bạch M, bà Trần Xài K cùng liên đới có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Thanh S và bà Nguyễn Thị Kim H 127 chỉ vàng 24k, loại vàng 9T7, tương đương số tiền là 656.590.000 đồng (mỗi người phải chịu 218.863.333 đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn trình bày khi nào các bị đơn thanh toán đầy đủ số tiền nêu trên thì nguyên đơn sẽ trả lại bản chính giấy xác nhận ngày 02/4/1992 của Công ty Công trình quản lý đô thị thị xã T xác nhận chủ quyền căn nhà tại số T, đường T, Khóm B, Phường M, thị xã T (nay là thành phố ), tỉnh Sóc Trăng của bà Trần Bạch H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 03/10/2019, bị đơn bà Trần Bạch H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bị đơn chỉ trả bằng tiền, chứ không đồng ý trả bằng vàng.

Ngày 25/6/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quyết định kháng nghị số 17/QĐKNPT-VKS-DS, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận buộc bị đơn trả vàng quy ra tiền.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh S và bà Nguyễn Thị Kim H đều có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị quý Tòa xem xét, giải quyết vụ án nêu trên theo hướng không chấp nhận kháng cáo của bà H và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc

Trắng. Tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Bạch H không rút đơn kháng cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng không rút kháng nghị; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, kháng nghị và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Bạch H, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng. Áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm theo hướng ghi nhận sự tự nguyện của các bị đơn cũng là người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H là bà Trần Bạch H, bà Sơn Bạch M về việc đồng ý hỗ trợ tiền lãi cho các nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của bị đơn bà Trần Bạch H và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo của bị đơn và kháng nghị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là hợp lệ và đúng luật định.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/9/2021, ông Nguyễn Thanh S vắng mặt nhưng có ông Trần Việt H là người đại diện theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 10/9/2021; bị đơn bà Trần Xài K vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án.

[1.3] Về quan hệ pháp luật: Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/11/2017 và tại phiên tòa sơ thẩm ông H đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn chỉ yêu cầu bà Trần Bạch H, bà Sơn Bạch M và bà Trần Xài K phải liên đới trả cho ông S và bà H số tiền vay là 127 chỉ vàng 24k, loại vàng 9T7, còn các bị đơn cho rằng chỉ vay của các nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng. Xét thấy, theo đơn khởi kiện và tờ hợp đồng tín dụng đề ngày 06/4/2004 giữa hai bên đương sự đều xác nhận bên bị đơn vay của bên nguyên đơn là 100.000.000 đồng, lãi suất và thời gian như trên, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là đòi lại tài sản là chưa đúng bản chất của sự việc, nên Tòa cấp phúc thẩm điều chỉnh lại quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 467 Bộ luật Dân sự 1995 (tương ứng các Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005, Điều 463

Bộ luật Dân sự 2015).

[2] Nội dung vụ án: Các bên đương sự đều thừa nhận ngày 06/10/2004, ông H, bà Trần Bạch H, bà Sơn Thị Bạch M và bà Trần Xài K có làm tờ hợp đồng tín dụng và cả 04 người đều đồng ý ký thế chấp giấy tờ căn nhà số T, đường T, Phường M, thị xã T (căn nhà chiều ngang 3,5m x dài 10,80m) cho ông Nguyễn Thanh S và bà Nguyễn Thị Kim H để vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm (12 tháng), lãi suất 4%/tháng tương đương số vàng là 12 lượng 7 chỉ vàng 24k, bên vay có trách nhiệm đóng lãi hàng tháng vào ngày 24/8/2004 AL, vốn trả trước 12 tháng tính bằng tiền, sau 12 tháng tính bằng vàng tương đương 12 lượng 07 chỉ. Như vậy, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn bà Trần Bạch H, thì thấy rằng:

[3.1] Đối tượng giao dịch: Theo hợp đồng tín dụng ngày 06/10/2004, hai bên thỏa thuận vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất và thời gian như trên là phù hợp theo quy định tại Điều 467 Bộ luật Dân sự 1995 (tương ứng các Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005, Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015).

Sau khi ký hợp đồng, các nguyên đơn đã giao 100.000.000 đồng cho bên bị đơn đầy đủ, đúng chất lượng, số lượng vào thời điểm và địa điểm theo thỏa thuận theo quy định tại khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự 1995 (tương ứng các Điều 473 Bộ luật Dân sự 2005, Điều 465 Bộ luật Dân sự 2015).

Sau khi nhận tiền xong, Bên vay tiền đã nhận đủ 100.000.000 đồng thì phải có nghĩa vụ trả tiền khi đến hạn; nếu tài sản là hiện vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác theo quy định tại khoản 1 Điều 471 Bộ luật Dân sự 1995 (tương ứng các Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015).

Như vậy, theo quy định trên thì phía các bị đơn vay tiền của các nguyên đơn không thực hiện đúng như thỏa thuận trả tiền nợ cho các nguyên đơn.

[3.2] Theo hợp đồng thì hai bên có thỏa thuận nếu bên bị đơn không trả vốn trước 12 tháng thì tính bằng vàng tương đương 12 lượng 7 chỉ. Xét thấy, Theo nhận định tại mục [3.1] thì bên bị đơn vay của bên nguyên đơn bằng tiền thì có nghĩa vụ trả tiền; các đương sự thỏa thuận trả vàng là hành vi vi phạm về việc “sử dụng vàng làm phương tiện thanh toán” được quy định tại khoản 4 Điều 19 Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ (thay thế Nghị định số 174/1999/NĐ-CP ngày 09/12/1999 và Nghị định số 64/2003/NĐ-CP ngày 11/6/2003 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 174/1999/NĐ-CP ngày 09/12/1999 của Chính Phủ).

Mặc khác, theo thỏa thuận trả vàng giữa hai bên là giao dịch có nội dung vi phạm điều cấm của pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 137 Bộ luật Dân sự 1996 (tương ứng điểm b khoản 1 Điều 122 Bộ luật Dân sự 2005 quy định “mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật” và điểm c khoản 1 Điều 117, Điều 123 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định “giao dịch vô

hiệu do vi phạm điều cấm của luật cụ thể Điều cấm của luật là những quy định của luật không cho phép chủ thể thực hiện những hành vi nhất định”.

[3.3] Do các nguyên đơn chỉ yêu cầu các bị đơn trả vàng chứ không có yêu cầu trả tiền 100.000.000 đồng và cũng không có yêu cầu tính lãi đối với số tiền vay 100.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không đặt ra xem xét và giải quyết đối với phần lãi là có căn cứ.

[4] Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên, giải quyết buộc các bị đơn trả cho các nguyên đơn 127 chỉ vàng 24k, loại vàng 9T7, tương đương với 656.590.000 đồng là chưa có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Như vậy, kháng cáo của bà Trần Bạch H là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, tại Tòa phúc thẩm các bị đơn cũng là người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H là bà Trần Trần Bạch H, bà Sơn Bạch M đồng ý hỗ trợ cho các nguyên đơn ông Nguyễn Thanh S và bà Nguyễn Thị Kim H tiền lãi là 100.000.000 đồng. Thấy rằng, việc các bị đơn đồng ý hỗ trợ cho các nguyên đơn 100.000.000 đồng tiền lãi là trên tinh thần tự nguyện và không ai bị ép buộc, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[5] Xét Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, thấy rằng như phân tích trên và tại mục [4] thì kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ chấp nhận.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Bạch H và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm về những nội dung đã phân tích nêu trên.

[7] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do án sơ thẩm bị sửa, nên các đương sự phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 và khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa, nên bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 và khoản 4 Điều 26,

khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ghi nhận sự tự nguyện của các bị đơn cũng là người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H là bà Trần Trần Bạch H, bà Sơn Bạch M đồng ý hỗ trợ cho các nguyên đơn ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị Kim H tiền lãi số tiền 100.000.000 đồng.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn Trần Bạch H và kháng nghị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng. Sửa Bản án sơ thẩm số 48/2021/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố , tỉnh Sóc Trăng, như sau:

- Căn cứ: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ: Điều 463; khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 1 và khoản 4 Điều 26, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh S và bà Nguyễn Thị Kim H. Buộc các bị đơn cũng là người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H là bà Trần Bạch H, bà Sơn Bạch M và bị đơn bà Trần Xài K cùng liên đới có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Thanh S và bà Nguyễn Thị Kim H số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Trong đó, tiền vốn là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và tiền lãi là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh S và bà Nguyễn Thị Kim H có đơn yêu cầu thi hành án nếu các bị đơn bà Trần Bạch H, bà Sơn Bạch M, bà Trần Xài K chậm thanh toán số tiền nêu trên thì còn phải chịu thêm tiền lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn trình bày khi nào các bị đơn thanh toán đầy đủ số tiền nêu trên thì nguyên đơn sẽ trả lại bản chính giấy xác nhận ngày 02/4/1992 của Công ty Công trình quản lý đô thị thị xã T xác nhận chủ quyền căn nhà tại số T, đường T, Khóm B, Phường M, thị xã T (nay là thành phố ), tỉnh Sóc Trăng của bà Trần Bạch H.

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Nguyễn Thanh S và bà Nguyễn Thị Kim H về việc đòi các bị đơn trả 127 chỉ vàng 24k.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:



3.1. Các bị đơn cũng là người thừa kế quyền và nghĩa vụ tổ tụng của ông H là bà Trần Bạch H, bà Sơn Bạch M và bị đơn bà Trần Xài K phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 5.000.000 đồng.

3.2. Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh S và bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu 22.263.600 đồng án phí bị bác một phần yêu cầu, được khấu trừ vào số tiền ông Nguyễn Thanh S và bà Nguyễn Thị Kim H 10.817.800 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008582 ngày 29/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố , tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông S và bà H còn phải nộp thêm số tiền án phí là 11.445.800 đồng.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Trần Bạch H không phải chịu. Hoàn trả cho bà H số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0007989 ngày 18/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố , tỉnh Sóc Trăng.

Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thành phố ;
- CCTHADS thành phố ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Hồ Văn Phụng**